

Bài 27: Kinh Tăng Chi (Chương 2 Pháp) - Phẩm Tâm Thắng Bằng | Sư Giác Nguyên giảng 08/02/2018

Hồi nãy giờ các vị có nghe gì không? Alo, các vị đã nghe đến đâu rồi? Các vị đã nghe đến đâu? Wow, có nghĩa là nãy giờ tôi không nói gì hết. Rồi, ok.

ĐOẠN 1

Hôm nay chúng ta học về phẩm Tâm thắng bằng. Ở đoạn 1, Đức Phật nói về đặc điểm của người hiền, của một bậc chân tu. Đặc điểm của một chân nhân nhiều lắm, có nhiều dấu chỉ cho thấy người đó là một người hiền.

Thí dụ như người đó có tấm lòng hào sảng, có tấm lòng bao dung, có khả năng kham nhẫn, chịu đựng, có tầm nhìn xa rộng, người đó biết phân biệt phải quấy, biết chuyện, biết sống, biết điều.

Tuy nhiên, ở trong trường hợp này, Ngài đặc biệt lưu ý một dấu hiệu, đặc điểm của người hiền, bậc hiền nhân, bậc chân nhân, đó là khả năng tri ân.

Trong Tăng Chi Bộ Kinh, phần Ba pháp, Ngài dạy rằng sự ra đời của chư Phật là hiếm hoi, sự có mặt của người thuyết giảng Chánh Pháp là hiếm hoi, khó thấy, khó gặp. Và sự có mặt của người biết tri ân, biết báo ân cũng hiếm hoi.

Mình mới nghe qua mình thấy kỳ kỳ. Mình nói: “Tại sao cái người đó nó hiếm đến mức Đức Phật so sánh với chư Phật?” Thì khi chúng ta có tuổi đời, có va chạm, có cọ xát, có gặp chuyện, thì chúng ta mới thấy cái chuyện đó là đúng, không phải Ngài nói quá đâu. Cái người mà có khả năng tri ân hiếm gặp lắm.

Chúng ta là người có biết đạo, học đạo, hành đạo, trong cái đạo tràng này, chúng ta cứ ngỡ mình là hiền nhân, là Phật tử, là người lành, thì dĩ nhiên mình sẽ có tấm lòng tri ân. Nhưng thực ra cái khả năng vong ơn của mình nó lớn hơn khả năng tri ân gấp nhiều lần.

Chúng ta có rất ít lý do để canh cánh, đau đáu bên lòng cái ơn nghĩa của ai đó; có rất ít lý do để canh cánh, giữ hoài trong tâm khảm tấm lòng của ai đó đối với mình. Nhưng chúng ta có một ngàn lẻ một lý do để phui tay, để vong ơn, bạc tình, bạc nghĩa

đối với một người.

Chúng ta có nhiều lý do lắm. Người ta giúp mình 10 năm, 20 năm, nhưng bây giờ chỉ cần người ta không còn tiếp tục như vậy nữa, chỉ chừng đó thôi, chỉ chừng đó cái có thôi cũng đủ lý do để chúng ta hờn giận, lãng quên. Mà trong khi lý do để mình ghi nhớ, nghe ra thì dễ, nhưng để mà ghi nhớ thì rất khó, rất khó.

Tôi tốt với quý vị 10 năm, tôi chỉ lãng quên quý vị một tháng thôi, không liên lạc, không tin tức là xong. Đó là lý do tại sao Đức Phật Ngài dạy người tri ân rất là khó tìm. Một trong những dấu chỉ rất là quan trọng của một bậc chân nhân đó là lòng tri ơn.

Thường mình mang ơn mình dễ nặng lòng lắm, lòng nó không có yên, không được thoải mái.

Hồi này, lúc mà quý vị không có nghe gì hết, tôi kể một câu chuyện có một mình tôi nghe thôi. Là vào một mùa đông kia, ở Thụy Sĩ, có một người cha dẫn theo đứa con gái đi trượt tuyết. Trong mùa đông đó, hai cha con quen được hai cậu thanh niên. Một cậu thì cứ tìm dịp để chăm sóc người con gái này, còn một cậu thì luôn luôn tìm dịp để nhờ cậu người con gái này giúp đỡ.

Hết mùa trượt tuyết đó, cả hai cậu đến làm quen, ngỏ lời muốn đi xa hơn với cô gái này. Một điều rất bất ngờ đó là cô này lại chọn cái anh mà cô thường xuyên giúp đỡ, chứ không chọn cái anh thường xuyên giúp đỡ cô.

Trong room này có nhiều người không đồng ý, nhưng quan trọng của câu chuyện này không quan trọng ở cái chỗ cô chọn ai. Cái câu chuyện này nó quan trọng ở câu trả lời của cô con gái này, khi cô giải thích cho người cha nghe.

Người cha, khi chỉ có hai người ngồi với nhau, ông hỏi:

- “Tại sao có cậu lúc nào cũng giúp con, còn có cậu lúc nào cũng tìm việc để nhờ con giúp, tại sao con chọn cậu mà con giúp chứ không phải cậu giúp con?”

Người con gái mới nói thế này:

- “Khi mà con nhận quá nhiều sự giúp đỡ, mỗi lần con gặp cậu đó, con thấy nặng nề lắm. Con thấy con phải có trách nhiệm, con thấy con phải có bốn phận này nọ. Nhưng mà riêng con gặp cái cậu kia thì con thấy con là một người hùng và con có thể

ra sao với cậu đó cũng được, con không thấy nặng lòng. Nhưng mà ngược lại, còn đối với cái cậu giúp đỡ con, người mà con nhận sự giúp đỡ đó, thì cứ mỗi lần con gặp cậu thì con cứ nghĩ mình phải thế này, mình phải thế kia, coi mới được. Và từ đó nó mới trở thành gánh nặng tâm lý, và từ gánh nặng đó nó mới chuyển sang áp lực tâm lý, và từ áp lực tâm lý nó tạo ra sự phản cảm khi mà gặp mặt nhau.”

Dĩ nhiên đây là một góc nhỏ trong cõi nhân tâm mà thôi. Không phải ai cũng vậy đâu. Nhưng cái đặc biệt tôi muốn nói ở đây là lòng người, mình thường có khuynh hướng phỉ tay. Hễ khi mình nhận nhiều quá, mình cảm thấy cái tôi của mình nó bị tổn thương. Thích nhận lắm, nhưng mình rất dễ bị sốc khi mà người kia có một sơ ý, sơ suất nào đó cho mình cái cảm giác họ đang nhắc khéo về cái ơn của họ. Chỉ một chút đó thôi làm mình khó chịu.

Cho nên nói đi nói lại cũng phải nói rằng cái chuyện “cha mẹ thương con biển trời lai láng, con thương cha mẹ tính tháng tính ngày” đó cũng là một câu giải thích cho cái trường hợp này. Người ta thường có khuynh hướng chăm bẵm về cái tôi của mình hơn.

Chúng ta e ngại về cội nguồn của mình, nhưng chúng ta lại tâm đắc với tác phẩm của mình. Cho nên, con của mình, mình lo bao nhiêu cũng được, vì mình tìm thấy ở đó cái phản ánh của một cái tôi, mình tìm thấy ở đó có bóng dáng của mình, mình thấy ở đó là tác phẩm của mình, ở đó là công trình của mình, cho nên nó mang dấu ấn của một cái tôi nhiều hơn.

Còn mình nhìn ngược lại cha mẹ thì mình chỉ là tác phẩm của cha mẹ, mình là công trình của cha mẹ. Và cái chuyện mình đối với cha mẹ, ngoài bốn phận ra, rất nhiều người xem đó là gánh nặng.

Cho nên đó là một góc kín tâm lý mà người ta thường thích chơi với con nít hơn. Người ta thường cho rằng chơi với con nít ít phiền hơn chơi với người già, người lớn tuổi, ông bà, cha mẹ. Thực ra trong sâu thẳm nó có một cái gì đó rất A-tỳ-đàm.

Có nghĩa là khi ta chơi với con nít, người ta nghĩ đó là tác phẩm của người ta, là món đồ do người ta nặn ra, và tôi thích thì tôi thương nó, tôi không thích thì nó cũng không được quyền trách tôi.

Còn đối với cha mẹ, thì mình có cảm giác là mình phải như vậy, nếu không thì cha mẹ buồn, cha mẹ sẽ trách mình, làng xóm, xã hội, dư luận thiên hạ sẽ trách mình, bla, bla, bla. Từ lý do đó cho nên nó trở thành một áp lực tâm lý, một gánh nặng tâm lý.

Cho nên từ đây suy ra, đa phần chúng sinh có khuynh hướng vong ơn. Và vì vậy, người tri ơn là một hạng người rất khó kiếm ở đời.

Tôi nhắc lại một lần nữa trước khi tôi chốt lại câu kinh đó là Đức Phật Ngài dạy rằng người tri ơn là người rất là khó tìm. Bởi vì khuynh hướng tâm lý chúng sanh là ít có trí nhớ về điều lành của người khác, thường chỉ nhớ cái tốt của mình hơn là cái tốt của người khác. Để nhớ được, ghi nhận được cái tốt của người khác thì mình phải có một tấm lòng như thế nào đó, chứ không có dễ đâu. Nha.

Còn để nhớ về cái hay, cái tốt của mình thì nó dễ lắm. Bằng cả động lực thiện hay bất thiện thì mình đều có cái cơ để nhớ về cái hay ho, cái ơn nghĩa mà mình ban phát. Nhưng mà để ghi nhớ được ơn nghĩa của người khác thì chúng ta phải có một vốn liếng tâm linh rất là sâu dày. Nha. Bởi vì nó không có liên hệ nhiều lắm đến cái tôi của mình.

ĐOẠN 2

Tiếp theo đó, sau khi Đức Phật Ngài giảng về vấn đề tri ân, báo ân, thì chúng ta thấy có một đoạn kinh tiếp theo, Ngài dạy rằng: trên đời này có hai hạng người mà mình khó bề trả xong cái ơn, đó là cha mẹ.

Trong đây Ngài xác định rằng, cho dầu một đứa con có để mẹ ngồi lên hai vai của mình 100 năm, đi suốt một đời như vậy, để mặc cho cha mẹ tiểu tiện trên người của mình. 100 năm đâu phải là ít, một kiếp người cũng khá dài, khi mà phải chịu đựng bao nhiêu cái thứ khó nhọc đó. Tuy nhiên, cái sự khó nhọc đó của người con cũng không thể nào bù đắp được cái ơn sâu nghĩa nặng mà cha mẹ đã dành cho mình.

Là vì sao? Là vì bản thân đứa con, cái tấm lòng của đứa con trong lúc cồng đó không có bì được với tấm lòng của cha mẹ lúc chăm sóc con cái. Chỉ cái khoản này thôi. Mặc dù trên hình thức, quay phim, chụp hình, mình thấy một đứa con cồng cha, cồng mẹ suốt năm trên vai, để mặc cho ông bà tiêu tiểu trên người của mình, mình thấy cái

hình ảnh đó nó dễ sợ thiệt. Nhưng mà ngồi ngẫm lại đi, vì sao Đức Phật lại dạy như vậy? Là vì một chuyện đơn giản là cái tấm lòng của đứa con lúc còn, dầu là đại hiếu, chí hiếu, cũng không có bì được cái tấm lòng từ bi hỷ xả của cha mẹ dành cho con cái từ lúc biết nó đã tượng hình, nó đã phôi thai, cho đến khi nó chết hoặc mình chết. Trong suốt quãng thời gian đó, tấm lòng trời bể của cha mẹ là cái không thể nào mà bì được hết.

Bốn pháp lành để báo hiếu rất ráo

Cho nên trong cái đoạn kinh này nghe ngắn nhưng mà rất là sâu. Sâu ở chỗ nào? Sau khi Ngài xác định rằng để trả ơn cha mẹ thì hình thức vật chất ấy không thể nào đáp đền được. Tuy nhiên, chỉ cần hướng dẫn cha mẹ có một đời sống tâm linh thì người con coi như đã có thể đáp đền được.

Thì trong chú giải đã ghi rõ, con cái chỉ có một cách duy nhất để báo hiếu rất ráo là giúp cha mẹ có được bốn pháp lành sau đây:

1. Saddha, chánh tín.
2. Sila, giới hạnh.
3. Caga, thí xả.
4. Panna, trí tuệ.

Thì khi đứa con có thể giúp cha mẹ có bốn pháp này thì xem như đáp đền được cái ơn đó. Là vì sao? Vì nhờ hành trì được bốn pháp này thì cha mẹ sẽ có một đường luân hồi tốt đẹp, thậm chí có thể chấm dứt luân hồi.

Thì trong đây mới giải thích thêm giống như trường hợp Tôn giả Xá Lợi Phất, 84 tuổi mới trở về gặp mẹ. 40 tuổi đi tu thì 84 tuổi trở về gặp mẹ. Trong khi đó chỉ có một đêm thôi, gặp mẹ lúc rạng sáng, trước khi nhắm mắt viên tịch, Ngài thuyết pháp cho mẹ nghe, giúp cho mẹ chứng quả Tu đà hoàn rồi thì Ngài xuôi tay ra đi. Thì đây là cách trả ơn được xem là rất ráo nhất.

Thì nói là đắc Tu đà hoàn, nhưng mà thật ra đó cũng là một cách nói khác của bốn pháp mà tôi vừa nói. Tức là Ngài đã giúp cho mẹ Ngài có được bốn pháp đó đó. Các vị có nhớ không? Bốn pháp dự lưu phần, tức bốn đặc điểm của vị sơ quả, là niềm tin

bất thối nơi Tam Bảo và giới hạnh thanh tịnh triệt để.

Có nghĩa là Ngài thọ giới nào thì có chết Ngài cũng không phạm giới đấy. Thí dụ như Ngài là cư sĩ, Ngài có năm giới hoặc tám giới; hoặc Ngài là sa-di, Ngài là tỳ kheo hay tỳ kheo ni thì thà chết chứ không bao giờ Ngài phạm vào cái giới mà Ngài đã thọ hết á, đặc điểm của một vị Tu đà hoàn.

Như vậy thì mình thấy bốn dự lưu phần này lại nằm gọn trong bốn điều mà mình vừa học:

1. Là đức tin.
2. Là giới hạnh.
3. Là thí xả.
4. Là trí tuệ.

Chánh tín và giới hạnh

- Đức tin, chánh tín là gì? Có nghĩa là niềm tin căn cứ vào trí tuệ, nghiệp báo và tam tướng. Có nghĩa là tin rằng làm thiện thì được vui, làm ác thì được khổ; mọi thứ do duyên mà có, có rồi phải mất. Niềm tin đó gọi là chánh tín.

- Cái thứ hai là sila, giới hạnh. Có nghĩa là người sơ cơ giữ giới để cầu phúc, giữ giới vì người khác như vì e ngại thị phi. Riêng thánh nhân thì giữ giới vì đó là bản chất tự nhiên.

Có nghĩa là nếu mà mình giữ giới để cầu phúc, tránh tội, thì mình không có sát sanh vì mình sợ mình sinh ra đời sau mình đoản thọ, mình bệnh hoạn. Mình giữ giới sát sanh để kiếp sau mình được trường thọ, khỏe mạnh.

Riêng bậc hiền trí nói chung và bậc thánh nói riêng, người ta giữ giới bởi vì cái lòng người ta không có lý do nào để người ta cướp đoạt mạng sống của người khác. Và chẳng những không sát sanh mà người ta còn tránh những cái râu ria liên quan đến sát sanh. Thí dụ như làm khổ người khác, nó cũng là râu ria của giới sát sanh.

Như cái giới hành dâm, tức là giao phối nam nữ đó, có bảy điều liên quan gọi là methunasamyoga. Có nghĩa là không gần gũi thân xác, nhưng thích nhìn ngắm, nghe tiếng nói, tư tưởng, đều là liên quan đến việc tính giao. Khiếp như vậy.

Thì mình không sát sanh cũng vậy, mình không trộm cắp cũng vậy. Mình không trộm

cắp, đúng là mình không có cướp đoạt, lén lút lấy của người ta; nhưng mà có cái lòng ham thích, chú ý, lưu tâm đến cái của người khác thì như vậy cũng không nên. Đại khái như vậy.

Như vậy giới nó có hai trường hợp:

- một là cầu phúc, tránh tội mà giữ giới;
- còn trường hợp thứ hai là bản chất thiện pháp của mình nó không cho mình làm cái đó.

Giống như ngày hôm qua tôi nói, mình bố thí không phải mình nghĩ đến người ta không, mà bản chất của mình là như vậy. Mình làm lành không phải vì đối tượng không, mà còn vì mình là ai. Mình cho cái món đó không phải vì người nhận là ai, mà vì mình là ai. Mình là ai cho nên mình bố thí. Các vị có nghe kịp chỗ này không? Trường hợp một là mình bố thí, mình trì giới là vì đối tượng kia. Còn cái này là mình là ai cho nên mình mới không như vậy. Nha.

Cho nên ở đây mới nói là cái ơn của cha mẹ chỉ có một cách mà mình trả thôi, có nghĩa là mình hướng cha mẹ có chánh tín, giới hạnh là vậy. Rồi tùy sức của mình và tùy khả năng của cha mẹ mà mình giúp tới đâu.

Thứ ba là mình giúp cha mẹ có khả năng thí xả, có nghĩa là mình nói làm sao, mình thuyết phục, mình giải thích làm sao đó để cha mẹ thấy rằng buông ra tốt hơn nắm lại.

Chẳng hạn như trong kinh Đức Phật dạy, trong một ngôi nhà đang cháy thì việc làm duy nhất mà gia chủ cần phải thực hiện đó là nhanh chóng mang những thứ có giá trị mà mình không muốn mất đem ra khỏi ngôi nhà đang cháy.

Cũng vậy, trong cái thân tâm này, nó sẵn sàng gặp bao nhiêu điều bất trắc: sanh, lão, bệnh, tử; tai họa, bất tường; bao nhiêu điều không thể lường trước được. Chúng ta có thể ra đi bất cứ lúc nào. Cho nên Ngài dạy rằng tấm thân này giống như ngôi nhà đang cháy, thì mình hãy nhanh chóng, lập tức đem ra khỏi ngôi nhà đang cháy ấy những thứ mà mình đang sở hữu. Một mình ăn sẽ hết mà người khác ăn sẽ còn.

Cái khả năng buông ra, bố thí, nó có hai ý nghĩa.

- Một là bố thí để cầu phúc, để đời sau sinh ra không có thiếu thốn, được dư dả.

- Nhưng còn có cái nghĩa thứ hai nữa, đó là bố thí là để mài mòn cái ý niệm sở hữu, mài mòn thói quen bòn xén, cái thói quen ôm giữ, ghì chặt của nhiều đời nhiều kiếp sanh tử. Hiểu như vậy thì bố thí nó mới tới nơi tới chốn.

Cái cuối cùng, cái thứ tư, là trí tuệ. Mình giúp làm sao để cha mẹ luôn luôn nhớ tới hai điều: Một là nhân quả nghiệp lý. Hai là tam tướng.

- Nghiệp lý là sao?

+ Nghĩa là cái gì ở đời này cũng có nhân có quả. Nhân quả luôn luôn tương ứng nhau. Mọi thứ không phải ngẫu nhiên mà có, cũng không phải do một đấng cao xanh nào đó tạo ra, mà mọi thứ nó do vô vàn nhân duyên, điều kiện tác động. Đó là trí tuệ về nghiệp lý và nhân quả. Mọi thứ do duyên mà có, có rồi cũng mất. Tất cả. Do thiện mới có vui, do ác mới có khổ. Thì cả thiện, cả ác, thiện ác, buồn vui này đều do vô số điều kiện mà có, có rồi phải mất đi.

+ Tuy nhiên, vì bản chất mình là thiện, vì tôn trọng điều thiện nên mình mới hành thiện lánh ác, nhưng luôn luôn nhớ rằng quả của thiện nó luôn là vô ngã, vô thường; quả của ác cũng là vô ngã, vô thường. Dầu tránh ác cũng luôn luôn nhớ rằng khổ thế nào cũng là vô ngã, vô thường. Dầu hành thiện thì cũng phải nhớ: quả thiện nào dầu có hay ho cách mấy cũng vô ngã, vô thường. Thì đó được gọi là sống trong trí tuệ.

Cho nên trong cái đoạn kinh này nghe ngắn nhưng mà rất là sâu. Sâu ở chỗ nào? Sau khi Ngài xác định rằng để trả ơn cha mẹ thì hình thức vật chất ấy không thể nào đáp đền được. Tuy nhiên, chỉ cần hướng dẫn cha mẹ có một đời sống tâm linh thì người con coi như đã có thể đáp đền được.

Thì trong chú giải đã ghi rõ, con cái chỉ có một cách duy nhất để báo hiếu rốt ráo là giúp cha mẹ có được bốn pháp lành sau đây:

- Một, saddhā: chánh tín.

- Hai, sīla: giới hạnh.

- Ba, cāga: thí xả.

- Bốn, pañña: trí tuệ.

Thì khi đưa con có thể giúp cha mẹ có bốn pháp này thì xem như đáp đền được cái ơn

đó. Là vì sao? Vì nhờ hành trì được bốn pháp này thì cha mẹ sẽ có một đường luân hồi tốt đẹp, thậm chí có thể chấm dứt luân hồi.

Thì trong đây mới giải thích thêm giống như trường hợp Tôn giả Xá Lợi Phất, 84 tuổi mới trở về gặp mẹ. Bốn mươi tuổi đi tu thì 84 tuổi trở về gặp mẹ. Trong khi đó chỉ có một đêm thôi, gặp mẹ lúc rạng sáng, trước khi nhắm mắt viên tịch, Ngài thuyết pháp cho mẹ nghe, giúp cho mẹ chứng quả Tu-đà-hoàn rồi thì Ngài xuôi tay ra đi. Thì đây là cách trả ơn được xem là rất ráo nhất.

Thì nói là đắc Tu-đà-hoàn nhưng mà thật ra đó cũng là một cách nói khác của bốn pháp mà tôi vừa nói. Tức là Ngài đã giúp cho mẹ Ngài có được bốn pháp đó đó. Các vị có nhớ không? Bốn pháp dự lưu phần, tức bốn đặc điểm của vị sơ quả, là niềm tin bất thối nơi Tam Bảo và giới hạnh thanh tịnh triệt để.

Có nghĩa là Ngài thọ giới nào thì có chết Ngài cũng không phạm giới đấy. Thí dụ như Ngài là cư sĩ, Ngài có năm giới hoặc tám giới; hoặc Ngài là sa-di, Ngài là tỳ-kheo hay tỳ-kheo-ni, thì thà chết chứ không bao giờ Ngài phạm vào cái giới mà Ngài đã thọ hết, đặc điểm của một vị Tu-đà-hoàn.

Như vậy thì mình thấy bốn dự lưu phần này lại nằm gọn trong bốn điều mà mình vừa học: Một là đức tin; Hai là giới hạnh; Ba là thí xả; Bốn là trí tuệ.

- Đức tin, chánh tín là gì? Có nghĩa là niềm tin căn cứ vào trí tuệ, nghiệp báo và tam tướng. Có nghĩa là tin rằng làm thiện thì được vui, làm ác thì được khổ; mọi thứ do duyên mà có, có rồi phải mất. Niềm tin đó gọi là chánh tín.

- Cái thứ hai là sīla, giới hạnh. Có nghĩa là người sơ cơ giữ giới để cầu phúc, giữ giới vì người khác, như vì e ngại thị phi. Riêng thánh nhân thì giữ giới vì đó là bản chất tự nhiên.

+ Có nghĩa là nếu mà mình giữ giới để cầu phúc, tránh tội, thì mình không có sát sanh vì mình sợ mình sinh ra đời sau mình đoản thọ, mình bệnh hoạn. Mình giữ giới sát sanh để kiếp sau mình được trường thọ, khỏe mạnh.

+ Riêng bậc hiền trí nói chung và bậc thánh nói riêng, người ta giữ giới bởi vì cái lòng người ta không có lý do nào để người ta cướp đoạt mạng sống của người khác. Và chẳng những không sát sanh mà người ta còn tránh những cái râu ria liên quan

đến sát sanh. Thí dụ như làm khổ người khác, nó cũng là râu ria của giới sát sanh. Như cái giới hành dâm, tức là giao phối nam nữ đó, có bảy điều liên quan gọi là methunasamyoga, có nghĩa là không gần gũi thân xác nhưng thích nhìn ngắm, nghe tiếng nói, tơ tưởng, đều là liên quan đến việc tính giao, kiểu như vậy. Thì mình không sát sanh cũng vậy, mình không trộm cắp cũng vậy. Mình không trộm cắp đúng là mình không có cướp đoạt, lén lút lấy của người ta, nhưng mà có cái lòng ham thích, chú ý, lưu tâm đến cái của người khác thì như vậy cũng không nên. Đại khái như vậy.

+ Như vậy giới nó có hai trường hợp:

Một là cầu phúc, tránh tội mà giữ giới;

Còn trường hợp thứ hai là bản chất, thiện pháp của mình nó không cho mình làm cái đó.

+ Giống như ngày hôm qua tôi nói, mình bố thí không phải mình nghĩ đến người ta không, mà bản chất của mình là như vậy. Mình làm lành không phải vì đối tượng không, mà còn vì mình là ai. Mình cho cái món đó không phải vì người nhận là ai, mà vì mình là ai. Mình là ai cho nên mình bố thí. Các vị có nghe kịp chỗ này không? Trường hợp một là mình bố thí, mình trì giới là vì đối tượng kia. Còn cái này là mình là ai cho nên mình mới không như vậy.

Cho nên ở đây mới nói là cái ơn của cha mẹ chỉ có một cách mà mình trả thôi, có nghĩa là mình hướng cha mẹ có chánh tín, giới hạnh là vậy đó. Rồi tùy sức của mình và tùy khả năng của cha mẹ mà mình giúp tới đâu.

Thứ ba là mình giúp cha mẹ có khả năng thí xả. Có nghĩa là mình nói làm sao, mình thuyết phục, mình giải thích làm sao đó để cha mẹ thấy rằng buông ra tốt hơn nắm lại.

Chẳng hạn như trong kinh Đức Phật dạy: trong một ngôi nhà đang cháy thì việc làm duy nhất mà gia chủ cần phải thực hiện, đó là nhanh chóng mang những thứ có giá trị mà mình không muốn mất đem ra khỏi ngôi nhà đang cháy. Cũng vậy, trong cái tâm thân này nó sẵn sàng gặp bao nhiêu điều bất trắc: sanh, lão, bệnh, tử; tai họa, bất tường, bao nhiêu điều không thể lường trước được. Chúng ta có thể ra đi bất cứ lúc nào.

Cho nên Ngài dạy rằng tấm thân này giống như ngôi nhà đang cháy, thì mình hãy nhanh chóng lập tức đem ra khỏi ngôi nhà đang cháy ấy những thứ mà mình đang sở hữu. Một mình ăn sẽ hết mà người khác ăn sẽ còn.

Cái khả năng buông ra, bố thí, nó có hai ý nghĩa. Một là bố thí để cầu phúc, để đời sau sinh ra không có thiếu thốn, được dư dả. Nhưng còn có cái nghĩa thứ hai nữa, đó là bố thí là để mài mòn cái ý niệm sở hữu, mài mòn thói quen bòn xén, cái thói quen ôm giữ, ghì chặt của nhiều đời nhiều kiếp sanh tử. Hiểu như vậy thì bố thí nó mới tới nơi tới chốn.

Cái cuối cùng, cái thứ tư là trí tuệ. Mình giúp làm sao để cha mẹ luôn luôn nhớ tới hai điều: một là nhân quả, nghiệp lý; hai là tam tướng.

Một, nghiệp lý là sao? Nghĩa là cái gì ở đời này cũng có nhân có quả. Nhân quả luôn luôn tương ứng nhau. Mọi thứ không phải ngẫu nhiên mà có, cũng không phải do một đấng cao sanh nào đó tạo ra, mà mọi thứ nó do vô vàn nhân duyên, điều kiện tác động. Đó là trí tuệ về nghiệp lý và nhân quả.

Hai, mọi thứ do duyên mà có, có rồi cũng mất. Tất cả. Do thiện mới có vui, do ác mới có khổ. Thì cả thiện, cả ác, thiện ác, buồn vui này đều do vô số điều kiện mà có, có rồi phải mất đi. Tuy nhiên, vì bản chất mình là thiện, vì tôn trọng điều thiện nên mình mới hành thiện lánh ác, nhưng luôn luôn nhớ rằng quả của thiện nó luôn là vô ngã, vô thường; quả của ác cũng là vô ngã, vô thường.

Dầu tránh ác cũng luôn luôn nhớ rằng khổ thế nào cũng là vô ngã, vô thường. Dầu hành thiện thì cũng phải nhớ: quả thiện nào dầu có hay ho cách mấy cũng vô ngã, vô thường. Thì đó được gọi là sống trong trí tuệ.

Và trong một câu trả lời của Phật tử Dạ-xoa Ālavaka, Ngài có dạy rằng: “Paññājīvim jīvitamāhu setṭham”, cuộc sống trí tuệ là cuộc sống cao quý nhất. Bởi vì cuộc đời này là một màn đêm mịt mù. Thì hôm qua tôi giảng, tôi có mượn cách nói của Chúa bên Kinh Thánh: “Phúc thay...” Thì có nhiều người họ trách, nhưng miễn là cái ý thôi, còn cái chuyện nó là của ai thì kệ.

Phúc thay cho kẻ nào sống ở đời này được sống trong ánh sáng, bởi vì không có ánh sáng thì mình chỉ có sống mò thôi. Thì quý vị biết, trong một căn phòng chật hẹp, bụi

bậm, nhiều đồ đạc, mà ban đêm mình mò thì khả năng bị tai nạn là rất lớn. Nói chi là trong cuộc đời bao la, mệnh mông này, trong một biển người mệnh mông, bát ngát, mịt mù, tối thui, thì quý vị tưởng tượng kiểu tai nạn Titanic là chuyện nhỏ. Có khi nó còn ghê hơn nữa. Cho nên được sống trong nguồn sáng của trí tuệ là một cái đại phúc, đại hạnh.

Cho nên Đức Phật Ngài dạy: chỉ có một cách duy nhất để trả được cái ơn của cha mẹ cho mình thôi, đó chính là an trú cha mẹ vào bốn cái pháp này: một là đức tin, là chánh tín; giới hạnh; thí xả và trí tuệ.

ĐOẠN 3

Rồi tiếp theo là chúng ta học Phẩm, đoạn số 3.

Một bà-la-môn đi đến Thế Tôn, ông hỏi:

- “Sa-môn Gotama đã thuyết cái gì, đã nói gì?”

Thì Đức Phật Ngài dạy:

- “Này bà-la-môn, ta thuyết về hành động và thuyết về không hành động.”

Ông này, trong chú giải nói, ông không có thích Đức Phật. Ông nghe người ta đồn Ngài là bậc đại hiền, đa văn, quảng kiến, cái gì cũng biết. Ông không có ưa cái chuyện đó. Ông nghĩ là ông tìm cách để vấn nạn, làm khó Ngài, mà ông suy nghĩ suốt bốn tháng như vậy. Ông suy nghĩ, ông nghĩ trong bụng:

- “Sa-môn Gotama, mình tới gặp, thế nào Ngài cũng đem ba cái vụ thiện ác này kia ra Ngài nói. Để coi Ngài còn có cái gì khó hơn, khác hơn cái thiện cái ác, làm lành lánh dữ hay không? Thí dụ như Ngài vừa mở miệng ra Ngài nói là: ‘Nên làm cái gì đó.’ Chỉ cần Sa-môn Gotama mở miệng ra nói: ‘Ta nên làm cái gì đó’, thì mình sẽ bắt bẻ, mình nói: ‘Vậy điều ác cũng nên làm hay sao?’ Còn nếu Sa-môn Gotama vừa hé môi: ‘Ta không nên làm’, mình chỉ cần nghe cái chữ ‘không nên làm’, mình sẽ nhào vô: ‘Vậy cái thiện cũng không nên làm hay sao?’”

Ông tính vậy đó. Ông tính là ông sẽ chờ đợi Ngài sẽ buông cái đó ra. Ông chỉ cần nghe Ngài nói nên làm hay không nên làm, thì ông sẽ cãi. Có nghĩa ông là một cái người nó nghèo đến mức mà cầm một cái vốn liếng chật hẹp như vậy để đi làm khó

người ta. Cái đó mấy đạo tràng mình hay gặp lắm. Có những người họ cứ chăm bẵm, họ cầu, họ nghe pháp mục đích một là họ khoe bản thân, hai nữa là họ làm khó người giảng. Cái loại này tôi gặp hoài, gặp riết nó mòn con mắt luôn.

Thì suốt bốn tháng trời, ông nghĩ ra được cái chiến thuật nghèo túng như vậy. Khi ông đến ông gặp Ngài, thì Ngài biết. Ngài biết ông bốn tháng trời có thể khổ tâm như vậy, và Ngài biết ông này có thể độ được. Cho nên khi mà ông hỏi Ngài:

- “Ngài thường giảng cái gì cho đệ tử?”

Thì Ngài không hề bắt đầu như là ông mong đợi, mà Ngài lại nói thế này. Ngài gom cả hai cái điều mà ông mong đợi. Ngài nói:

- “Ta chỉ nói có một chuyện thôi, đó là làm và không làm.”

Thì khi mà Ngài nói như vậy, Ngài gom chung thì ông không có cơ hội ông chọt vô nữa.

Rồi sẵn ở đây tôi cũng kể cho bà con nghe một chuyện nhỏ nhỏ, đó là phần mở đầu của Luật tạng, cuốn 1, trong phẩm Verañjakaṇḍa, trong Tạng Luật. Có kể câu chuyện một ông bà-la-môn, ông đến ông hỏi Đức Phật:

- “Tôi nghe nói rằng Ngài là người chủ trương sống bi quan, tiêu cực. Ngài chủ trương tu hành là để cùng căn diệt kiếp, để mà hết đầu thai. Ngài chủ trương tu hành là chà đạp mọi thứ lịch sự, mọi thứ thẩm mỹ. Nói chung là tôi nghe tất cả cái gì xấu là đạo Ngài chứa hết, có đúng như vậy hay không?”

Ngài nói:

- “Đúng. Tất cả các cái thẩm mỹ, nghệ thuật, lịch sự gì đó không có chỗ đứng trong đạo của ta, vì những thứ đó được ta định nghĩa như sau: đối với ác pháp là phải triệt để loại bỏ, ở đây không có sự nhân nhượng, mọi cảnh giới tái sanh, đau vui hay khổ, đều là sanh tử. Cho nên ta chủ trương lìa bỏ triệt để. Cho nên người ta không có sai khi nói Như Lai không biết gì về nghệ thuật, thẩm mỹ. Bởi vì thật ra trên đời này không có cái gì đẹp, không có cái gì ngọt hết. Ta chủ trương phải bỏ, phải nhận triệt để mọi thứ, và không có một cảnh giới tái sanh nào hay ho, đáng để mình có mặt. Cho nên ta cũng chủ trương tu hành để cùng căn diệt kiếp, để hết đầu thai.

Mà người đời người ta nghe nói hết đầu thai là người ta sợ dữ lắm. Nhưng mà trong

giáo pháp này, tu để mà hết đầu thai là một điều tuyệt vời. Giống như mình nghe ông bà hay mắng: “Đừng có chui qua sào đồ, coi chừng là hết đầu thai đó”. Nhưng mà thật ra, ở trong đạo mình, nếu chui qua sào đồ mà hết đầu thai thì mình cũng nên chui. Nha. Mà khổ chui mà nó không hết đầu thai mới ghê chứ.

Ở đây cũng vậy, trong chỗ này nè, ngay lúc này hoặc sau khi chúng tôi giảng xong, các vị vào Tạng Luật bản tiếng Việt Nam, các vị để là “Tạng Luật Việt ngữ” vào Google, thì sẽ thấy cái phần đầu tiên nói về cái điểm tôi đang nói. Thì ở đây Đức Phật Ngài dạy rằng, toàn bộ giáo pháp Ngài chỉ nói đến hai chuyện thôi, đó là nên làm và không nên làm. Và ở trong Tạng Luật cũng vậy, toàn bộ Tạng Luật cũng chỉ có nội dung là nên làm và nên tránh thôi.

Trong giáo pháp Đức Phật có nhiều cách nói lắm. Có chỗ nói về 37 pháp Bồ-đề, có chỗ là Bát Chánh Đạo, Tam Học, Thất Giác Chi, Ngũ Căn, Ngũ Lực, v.v... Nhưng mà cũng có thể mình nói rằng giáo pháp của Đức Phật thu gọn trong một chữ là “appamāda”, có nghĩa là không dễ người, nha. Và trong trường hợp này, này thu gọn giáo pháp của Ngài trong một cặp tông chỉ đó là: nên làm và không nên làm.

Tất cả điều ác thì không nên làm, tất cả điều thiện thì nên làm. Chỉ vậy. Đó là toàn bộ nội dung giáo pháp của chư Phật. Nhưng mà phải hiểu làm sao cho nó đúng. Thiện dẫn đến sanh tử cõi vui, nhưng cũng là nhân đưa đến giải thoát sanh tử. Ác thì chỉ có một đường là sanh tử cõi khổ.

Cho nên mình thấy hai vế này:

- Ác thì chỉ có một đường là sanh tử cõi khổ thì bỏ đã đành;
- Còn thiện thì có hai: một là nó dẫn đến sanh tử cõi vui, nhưng nó cũng là nhân đưa đến giải thoát sanh tử.

Như vậy thì mình nên làm thiện. Nha. Tại mình thấy,

- Một bên ác là chắc chắn chỉ có đi xuống đường tối thôi.
- Còn thiện thì có hai đường:
 - + Một là hành thiện với ý cầu sanh tử thì sẽ được sanh tử, nhưng sẽ sanh tử trong cõi vui;

+ Còn nếu hành thiện với cái ý cầu thoát sanh tử thì sẽ thoát sanh tử. Mà đã thoát sanh tử rồi thì không có cõi vui hay cõi khổ nữa.

Thì khi mà Ngài nói ngắn gọn như vậy thì ông này ông đã phát Bồ-đề tâm, ông xin được quy y với Ngài.

ĐOẠN 4

Rồi tiếp theo là đoạn số 4. Ông Cấp Cô Độc ông lên ông đánh lễ Đức Phật, ông hỏi: có bao nhiêu người đáng để cúng dường, đáng nhất? Chớ đúng ra ai cũng là đối tượng để mình bố thí hết trơn.

Đáng cúng dường, dakkhiṇeyya. Ở đây trong room mình không biết quý vị còn nhớ, trong đây có ai biết bài “suppatipanno...” thì trong đó có nói rằng: đệ tử Thế Tôn gồm bốn tầng Thánh, các Ngài đáng nhận tặng phẩm, tế phẩm, sự kính lễ và sự cúng dường bằng niềm tin. Đó.

Thì mình thấy, đã nói bốn tầng Thánh thì có vô học và hữu học. Cái chữ “vô học” ở đây là asekhā, tức là không còn gì để trau dồi nữa. Chứ còn trong tiếng Việt Nam mình thì vô học có nghĩa là thất học, nhớ nha. Thất học nghĩa là không có biết chữ nghĩa gì hết. Nhưng cái chữ “vô học” ở đây là do trong chữ Hán người ta dịch, chứ không phải người Việt Nam dịch. Mà asekhā ở đây là người không còn gì để trau dồi nữa.

Thí dụ như có những vị Thánh mà họ đắc A-la-hán xong rồi, lại đi học Tam Tạng. Học Tam Tạng sau khi đắc La-hán. Có những vị sau khi đắc La-hán xong rồi mới bắt đầu tập tễnh tu tập thiền chỉ để đắc sơ thiền, nhị thiền. Thì cái việc đó, cái việc vị A-la-hán học Tam Tạng hay tu tập trau dồi thiền định, cái đó không phải là cái chuyện bắt buộc. Nhưng mà do thói quen nhiều đời của vị này, đó là từng tu thiền, khi mà có điều kiện thì vị đó quay lại để thực hiện việc đó.

- Vì một vị La-hán có tu thiền thì tự bản thân an lạc đã đành rồi, mà mình có khả năng hoằng pháp tốt hơn.

- Rồi học Tam Tạng cũng vậy. Một vị A-la-hán mà giỏi về giáo lý thì vẫn tốt hơn vị A-la-hán chỉ có đắc chứng, chỉ có hiểu mà không biết đường nào mà nói. Trong khi

nếu mà có kiến thức giáo lý thì xoay xử tốt hơn.

Thì trong trường hợp đó, cái đó chỉ là cái làm được thì tốt, không làm không sao. Nhớ nha, cái vị A-la-hán mà học Tam Tạng, luyện thần thông, luyện thiền định thì có làm thì tốt, không làm thì thôi, không sao hết. Nó không phải là chuyện bắt buộc. Nhưng mà cái rốt ráo thì Ngài đã đạt tới rồi, có nghĩa là cái cứu cánh, cái mục đích cao nhất của người tu là chấm dứt phiền não, chấm dứt sanh tử thì Ngài đã làm rồi.

Cho nên ở đây, Đức Phật Ngài dạy, có hai hạng đối tượng đáng để nhân thiên ba cõi cúng dường, đánh lễ, đó là vô học và hữu học.

Vì sao vậy? Vì sao hai bậc này đáng để đánh lễ, đáng để chúng ta đánh lễ, cúng dường?

- Thứ nhất, các vị này, nếu mà chứng sơ quả đó, mỗi tầng Thánh thấp đều đoạn trừ ít nhiều phiền não. Phiền não càng ít thì đức độ càng nhiều. Và những gì các Ngài bỏ đi hay có được đều là vĩnh viễn, triệt để, tuyệt đối. Còn phàm phu, nay bỏ được cái ác này, nhưng mai một hoàn toàn có thể tái phạm. Phàm phu nay có được thiện pháp này, nhưng mai một có thể không được như vậy nữa.

Trong khi Thánh nhân, ít nhiều đều được trong trường hợp đó. Hoặc cái gì các Ngài có được, cái gì các Ngài bỏ đi thì đều triệt để hết. Đã nói là bỏ thì ngàn đời không bao giờ tái phạm; mà cái gì đạt được thì chỉ có thêm chứ không bao giờ mất. Nha, nhớ cái đó. Thí dụ như giới, định, tuệ, các Ngài chỉ có thêm chứ không bao giờ mất.

Còn phàm phu thì không. Cái mà phàm phu có cũng chỉ là tương đối thôi. Bữa nay bỏ nhưng ngày mai nó không có bỏ, mai nó còn có nhiều thêm nữa. Thụt lùi mà thụt lùi lấy trốn, nhiều khi thụt lùi để lấy trốn đi tới nữa.

Các vị còn nhớ bốn bầy nai trong kinh Bầy Mồi không ta? Bầy nai một ham mồi nên chết sớm. Bầy hai thì chết nhất nhưng phút cuối đói quá, ăn mồi thiếu cảnh giác, cũng chết. Bầy ba thì khôn ngoan khi ăn mồi, nhưng mà cái chỗ rút lui không an toàn. Mà chỉ có bầy bốn thì khôn ngoan, cẩn thận khi ăn mồi và rút lui về chỗ an toàn.

Thì phàm phu mình cũng vậy, thấy giới luật, trang nghiêm, lim dim rồi thông dong, đĩnh đạc, từ tốn, cẩn thận, miên mật, làm đã lắm. Nhưng mà chỉ cần sơ hở một cái là bị gió nhập liền, bị gió nhập liền. Nay vậy đó chứ ngày mai nó không phải như vậy.

Và có thể, phải nói Việt Nam mình có cái câu: “Phật nào ma nấy”. Đạo hạnh càng cao siêu thì con ma nó tới nó phá, nó cũng cao siêu theo. Ngày nào mình vô danh, mình không có gì hết thì chỉ có mấy người lèo tèo họ tới thôi, cũng là Thị Nở tới nấu chén cháo hành. Nhưng một ngày mà tiếng tăm lừng lẫy, chùa to tượng lớn rồi thì sẽ có mấy đại gia tới, cái gì cũng ngon lành tới, cúng dường này nọ rồi cũng tiêu.

Tôi có biết một cái chuyện, chuyện có thật, không phải trong sách vở, phim ảnh. Là một cái ngày mùa hè kia, ở bờ biển Phuket ở Thái Lan, có một chiếc xe Mercedes bóng lộn, láng bóng, thơm phức, dừng lại và cửa sức mở. Trên xe bước xuống một anh tài xế lực lưỡng, cao to, đẹp trai; một bà đại gia đáng như mệnh phụ, xa hoa, quyền quý, chói lòa kim cương, ngọc bích, lấp lánh các thứ quý kim, ngọc thạch trên người. Và phía sau là bốn vị tỳ-kheo y áo trang nghiêm, mắt nhìn xuống đất, bước đi thong dong, từ tốn, đầy đầy chánh niệm, tỉnh giác.

Và bà thí chủ đại gia này đã đưa các vị về ngôi biệt thự lộng lẫy bên bờ biển Phuket, và để anh tài xế thay mình chăm sóc các ngài. Một ngày, hai ngày, ba ngày... Đến buổi chiều ngày thứ ba thì trong đoàn bốn vị, có ba vị sư đang ngồi chơi với nhau, nói chuyện vui vẻ, bỗng thấy cửa phòng đột ngột mở ra, thì thấy ông sư huynh của mình, tức là cái ông lớn nhất trong bốn vị tỳ-kheo, ổng bước vào. Trên tay ổng là một bộ đồ tắm. ổng quỳ xuống trước mặt ba ông sư đệ, cặp mắt ngấn lệ, ổng nói:

“Chiều nay sư huynh không còn cơ hội để cùng các sư đệ quay về thiền viện nữa.”

Bốn vị này đều là học trò của ngài Ajahn Chah, nha. Thì ông sư huynh ổng nói rằng chuyến đi này đó là lần cuối cùng anh em mình còn ngồi với nhau, vì lâu nay sư huynh đã quyết định là mình sẽ hoàn tục. Nhưng vì ở trên đó nó đông quá, sẽ gây ra ảnh hưởng tâm lý không tốt cho thiên hạ, đặc biệt là các hành giả, thiền sinh, nên chuyến đi này nó hơi xa phố, xa phường, xa bà con, thiên hạ, xa thị phi. Thì bây giờ, ở đây, anh em chứng minh cho sư huynh được hoàn tục. Và cái người sẽ cùng sư huynh đi hết phần đời còn lại đó là cái bà thí chủ đã đi cùng với chúng ta mấy hôm nay.

Và thì ra vị sư huynh, đại sư huynh này chính là vị mà giống như là thiền sư trẻ măng của ..., người Thái. Cho nên chúng ta thấy đến một mức độ nào đó.

Hoặc cách đây không lâu, cách đây khoảng bốn năm, thì ngài Mashio Gavesako, cũng là một đệ tử lớn của ngài Ajahn Chah, sáu mươi mấy tuổi, cũng bị rớt vào tay của một Ma-đăng-già. Trọng tuổi nhưng mà ngó vẫn còn được, thì coi như ra. Từ một vị thiền sư cực kỳ khả kính, đến vua còn phải quý trọng, đánh lễ, mà bây giờ thì coi như là thấy có mấy cái hình chụp đi dung dăng dung dẻ với nhau ở mấy cái hẻm núi, thung lũng hoa vàng, một buổi chiều vắng ở một bờ biển thơ mộng nào đó ở Bắc Phi. Thì... thôi!

Cho nên đây là lý do vì đâu mà Thế Tôn dạy rằng, nếu mà nói đối tượng cúng dường mà xứng đáng nhất thì chỉ là hữu học và vô học, tức là các tăng thánh. Là vì đâu? Vì hễ cái ác nào mà các ngài tránh là tránh triệt để, không có quay lui. Mà cái thiện nào mà các ngài có được là chỉ có thêm chứ không có giảm. Đó là lý do.

Chứ còn mình chỉ có nhắm mắt nhắm mũi, mình cứ nói: “Ồ, thánh là xứng đáng cúng dường”, là đúng rồi. Nhưng mà tại sao đúng? Là bởi vì các vị này thiện mà đã tu rồi thì không có buông, chỉ có đi lên thôi. Mà ác đã bỏ rồi là bỏ luôn chứ không có quay lui. Nhớ nha.

Còn bây giờ mà nói mình là pháp sư Tam Tạng, mình là thiền sư, giảng sư, luật sư, pháp sư, là bla ... bla ... sư, mà bây giờ chỉ cần gái, tiền, hoặc là bị người ta bỏ bùa, bị người ta gõ trên đầu cái boong, tai nạn xe cộ, rồi nó mát mát, cười cười là xong. Phật pháp đi đâu?

Vì gái, vì tiền, vì bùa phép, vì một cái dĩa, chức vụ, quyền lợi gì đó, hoặc là bị tai nạn từng từng là coi như mất sạch. Tin tôi đi. Ai trong room không tin thì tự lấy cái búa đóng đinh gõ trên đầu cái, nó dễ lắm. Gõ khá khá chút, gõ mà boong một phát là coi như ngày mai khỏi vô nghe giảng luôn. Lý do là nó bị chạm mạch, nó đứt một sợi, hai sợi, mà nhiều khi nó đứt một chùm là khỏi luôn.

Nhưng mà vị thánh thì không. Vị thánh Tu-đà-hoàn, vị Sơ quả, không thể đánh mất ý thức vì bất cứ lý do tâm sinh lý nào như say rượu, điên loạn hay một cơn đau đớn chết người nào đó. Khiếp chưa! Còn như mình đau quá là mình khỏi niệm luôn. Phải nhớ cái đó.

Là vì sao? Vì Sơ quả đã không còn thân kiến nữa, không còn thấy thân tâm này là của

tôi. Cho nên mình thấy ngài Anan ngài khóc là bởi vì ngài thất niệm thôi. Chỉ cần ngài nước mắt lưng tròng, chỉ ngấn lệ, đổ hoe là xong. Chứ mình đừng nghe nói ngài khóc thì nghĩ là: “Rồi, ngài với tui là giống nhau, cũng giãy ùng ùng, nước mũi chảy tèm lem.” Là không có. Ngài chỉ là ngấn lệ, lưng tròng, đổ hoe là xong, nhiều lắm rồi đó. Và lập tức khô lệ ngay như là một giọt nước nhỏ vào chảo nóng. Là vì ngài đã cạn rồi, cạn tình với cõi nhân sinh khổ lụy này rồi. Thì còn dư sót một xíu thì ngài thất niệm. Chỉ vậy thôi.

Cho nên vị thánh hữu học đáng được xem là ứng cúng, nói chi là thánh vô học. Còn mình thì tai nạn, mất trí, say rượu hoặc là cái chết, đều khiến cho nhận thức của mình thay đổi. Nha.

Và trong một câu trả lời của Phật tử dạ-xoa Alavaka, ngài có dạy rằng: “Paññājīvim jīvitamāhu seṭṭham” — cuộc sống trí tuệ là cuộc sống cao quý nhất. Bởi vì cuộc đời này là một màn đêm mịt mù.

Rồi tiếp theo là cái bài kinh. Wow! Bây giờ còn đúng một tiếng nữa.

Tôi có nhầm không ta? Không, không, đúng rồi, đúng rồi. Quý vị có biết ngày hôm qua, hôm kia tôi có giảng sót một đoạn kinh mà quý vị không thềm nhắc. Đó là cái đoạn Đức Phật ngài dạy có hai hạng người xuyên tạc ngài. Hạng thứ nhất là ác độc, thù ghét Thế Tôn. Hạng thứ hai là tin tưởng Thế Tôn bằng tà kiến.

Hạng thứ nhất không thích ngài nên xuyên tạc đã đành. Mà cái hạng thứ hai, tin tưởng nơi ngài, quý kính ngài, thương mến ngài nhưng mà bằng cái hiểu sai thì cũng không được. Cái đó cũng là một kiểu xuyên tạc ngài.

Rồi bây giờ, bài kinh, đoạn kinh này là đoạn vô cùng quan trọng. Đó là đoạn thứ năm. Tại sao tôi nói rằng cái đoạn kinh này là cái đoạn quan trọng? Các vị còn nghe không?

Bốn hạng nai đã giảng rồi.

Bầy nai thứ nhất là ham mồi, tham ăn, không kiểm soát được. Thấy ở đâu có đồ ăn thì nhào vô ăn, cho nên bị dính bẫy, cho nên không có gì lạ hết.

Bầy nai thứ hai thấy bầy trước chết thảm, cho nên cả đám kéo nhau vô rừng sâu trốn

biệt, thề với nhau là không có ăn gì của đám hai chân ngoài đó hết. Nhưng mà nó trốn một thời gian, nó đói quá đi. Vào một đêm kia, các chàng mò ra. Vì đói quá nên thiếu cảnh giác và chết.

Hạng thứ ba, nó thấy bầy một, bầy hai chết ngu quá, cho nên nó dặn nhau: “Mình đi ăn mỗi ăn khôn ngoan, mà rút lui cũng khôn ngoan, chứ không thể chết như tụi một, tụi hai được.” Nhưng mà cái đám này nó quên một điều: nó đi ăn một cách rất là khôn ngoan, rất là cẩn trọng, cảnh giác, và nó rút lui phải nói cũng rất khôn ngoan, cảnh giác. Nhưng mà nó xui một chỗ là cái chỗ mà nó giấu mình vẫn nằm trong vùng nguy hiểm, vẫn trong tầm ngắm của thợ săn.

Chỉ có bầy nai thứ tư, ăn mỗi khôn ngoan, rút lui khôn ngoan và giấu mình một cách khôn ngoan ở một chỗ an toàn.

Thì Phật dạy rằng có bốn hạng tỳ-kheo trong cái giáo pháp ngài.

Nhóm một, nghe mùi danh lợi, tình cảm, lập tức lăn xả vào và chết thẳng cẳng. Cái loại này miễn bàn.

Hạng hai, cảnh giác, thấy rằng tu hành là phải trang nghiêm giới hạnh, lục căn thanh tịnh, bởi vì ngũ uẩn giai không. Ngon lành lắm, lý tưởng ngất trời. Rút sâu vào rừng sâu núi thẳm, hoặc rút sâu vào am ốc tự viện, đóng cửa, lim dim suốt ngày không hề hí mắt, tưởng như vậy là ngon.

Nhưng mà tu hành không phải là đóng cửa, mà tu hành là thấu suốt. Họ nhầm là nhầm chỗ đó. Tu hành là thấu suốt, chứ không phải là đóng cửa. Không phải đóng cửa một cách máy móc. Cho nên sau một thời gian đóng cửa thì sẽ có một lúc quạnh hiu quá chịu không nổi, bèn mò ra. Hoặc là ăn uống kiêng khem quá, người thiếu chất, suy dinh dưỡng cũng phải mò ra, chấp nhận sự cúng dường, hỗ trợ của người khác. Và ngay trong lúc ốm đói, suy dinh dưỡng ấy, chúng ta rất dễ thiếu cảnh giác. Thế là ngã vào vòng tay lạ. Nha.

Hạng ba, không có đắm đuối mê, trẻ con như nhóm một, mà cũng không có cực đoan trong tu hành, khép mình một cách thiếu thông minh như nhóm hai. Cho nên nhóm ba này tiếp xúc, thọ nhận cúng dường của người khác một cách rất thông minh. Nhưng mà cái chỗ ẩn nấp không an toàn. Đó là cũng thuyết pháp, nói đạo, cũng hành

thiền, chánh niệm, tỉnh giác, nhưng mà không có tu Tứ niệm xứ, cho nên gọi là không sống trong lý tưởng cầu giải thoát. Khá hơn nhóm hai, nhưng mà cái chỗ nấu thân không an toàn. Lim dim thì có lim dim đó, nhưng lý tưởng sống thì không. Phương châm, cương lĩnh hành trì thiếu, thế là bảy nai ba này cũng chết giấc.

Chỉ có nhóm thứ tư, cẩn trọng, khôn ngoan khi tiếp xúc, không có cực đoan khi né tránh cư sĩ, danh lợi. Nhưng mà luôn luôn trong cảnh giác và ẩn thân, giấu mình trong sự bảo vệ của Tứ niệm xứ.

Như là trong kinh Chuyển luân thánh vương, Trường Bộ Kinh, Đức Phật ngài dạy: “Này các tỳ-kheo, con chim cú nó kiếm ăn ở ngoài ruộng, khi thấy nguy hiểm, nó trốn vào các luống đất cày để nó giấu mình. Giống như con rùa khi nó gặp nguy hiểm nó trốn vào cái mai. Cũng vậy, đệ tử của Như Lai sống, tìm cái an toàn trong chánh niệm. Chỉ có sống trong niệm và tuệ thì vị đó mới có thể sống an toàn khỏi sự vây bắt của ác ma.”

Đây là bốn bảy nai. Sở dĩ lúc này tôi giảng về hai hạng đáng cúng dường mà tôi phải nhắc đến bốn bảy nai là vì sao? Là vì tất cả phàm phu đều lọt hẫng hoi vào trong ba cái bảy nai trước. Một là tu hành không có ra gì, chết là phải. Nhưng mà có những vị cũng chuyên tâm tu hành lắm, nhưng mà về chiến thuật lại thiếu, cũng chết.

Chỉ có cái hạng thứ tư đó mới là tới nơi tới chốn, mới là đáng cúng dường thôi, nha.

Rồi bây giờ là cái đoạn kinh thứ năm. Tại sao tôi lại coi là quan trọng? Là bởi vì chỉ riêng cái đoạn này thôi, chỉ riêng cái đoạn số năm này, tôi giảng coi như tám ngày tám đêm chưa có hết. Cho tôi uống nước cái.

Chư Phật, mỗi đời Phật phải có ít nhất một kỳ đại hội thịnh văn, một kỳ đại hội chư thiên. Riêng đệ nhất thịnh văn thì chỉ có một lần đại hội chư thiên mà thôi. Không biết có ai mò ra cái đoạn Pāli này không ta, chứ cái người Việt Nam, nó ngộ lắm, nói tui bịa nữa.

ĐOẠN 5

Rồi bây giờ là cái đoạn kinh thứ năm. Tại sao tôi lại coi là quan trọng? Là bởi vì chỉ riêng cái đoạn này thôi, chỉ riêng cái đoạn số năm này tôi giảng coi như tám ngày tám

đêm chưa có hết. Cho tôi uống nước cái.

- Chư Phật, mỗi đời Phật phải có ít nhất một kỳ đại hội thỉnh văn, một kỳ đại hội chư thiên.

- Riêng đệ nhất thỉnh văn thì chỉ có một lần đại hội chư thiên mà thôi.

Không biết có ai mò ra cái đoạn Pali này không ta, chứ cái người Việt Nam, nó ngộ lắm, nói tui bịa nữa.

Trong cái bài kinh này, nội dung nó hay lắm. Nó hay ở chỗ cho mình biết là Đức Thế Tôn mỗi hạ Ngài sống ở đâu.

Đây, đoạn Pali: “Buddhānaṃ nāma tayo sāvaka-sannipātā honti, aggasāvakaṇaṃ eko.”

Tức là chư Phật thì có, phải có, ngoài đại hội chư thiên ra, phải có ít nhất một lần đại hội thỉnh văn. Có nhiều vị Phật sống lâu thì có ba. Còn Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì có một thôi: một lần đại hội thỉnh văn và một lần đại hội chư thiên.

Cái kinh Đại hội mình học rồi. Nội dung của cái bài, của quyển Lục Đại Chân Kinh, chúng tôi đã giảng rồi. Không biết trong room còn nhớ không? Nha.

Nhưng mà riêng đệ nhất thỉnh văn là ai? Thì Đức Thế Tôn, mỗi một vị Chánh Đẳng Chánh Giác có hai vị thượng thủ. Đó là đệ nhất thỉnh văn đứng bên tay phải, tức là đệ nhất trí tuệ. Còn đệ nhị thỉnh văn là đệ nhất thần thông, đứng bên tay trái, đó là ngài Mục Kiền Liên. Mỗi vị Phật đều có hai vị đại thượng thủ như vậy hết.

Thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có ngài Xá Lợi Phất. Trong đời ngài Xá Lợi Phất là có một lần như vậy. Và khi cái duyên đến thì tự Ngài biết, và chính Thế Tôn cũng nhắc.

Thì trong chú giải rằng, một hôm Đức Thế Tôn xét thấy bữa nay đúng là ngày ngài Xá Lợi Phất phải có một cuộc gặp với vô lượng thiên chúng từ vô lượng vũ trụ. Cho nên Ngài mới gọi ngài Xá Lợi Phất và nói:

- “Hôm nay Xá Lợi Phất nên dẫn năm trăm tỷ kheo đệ tử đi về chùa Visākha đi, chùa Đông Phương Tự.”

Lúc đó Thế Tôn đang ở chùa Kỳ Viên. Ngài mới nói ... Thì Ngài xét thấy hôm nay là ngày hội đủ duyên lành để ngài Xá Lợi Phất có một kỳ đại hội thiên chúng, cho nên Ngài mới gọi ngài Xá Lợi Phất dẫn chư Tăng, đệ tử về đó. Trong chú giải kể dài lắm,

tôi chỉ kể vắn tắt thôi. Nha.

Thì ngài Xá Lợi Phất nghe như vậy, lập tức ngài hiểu rằng hôm nay Thế Tôn muốn, như Thế Tôn xét thấy đã đủ duyên để mình làm chuyện đó, và Ngài mới kêu mình đi. Và đúng là hôm nay, riêng ngài, ngài cũng thấy chuyện đó. Cho nên ngài đánh lễ Đức Phật, ngài đi.

Ngài đi qua đó. Trong kinh nói cái này nó lạ lắm. Tự nhiên không ai mời thỉnh hết, tự nhiên vua Pasenadi, rồi Visākhā, rồi Cấp Cô Độc, cùng vô số nhân vật tiếng tăm của Sāvatti đều tự động vân tập ở chùa Pubbārāma của bà Visākhā. Đặc biệt như vậy.

Đồng thời thiên chúng từ mười ngàn vũ trụ, tức là hệ mặt trời đó, trong room này không có tin đâu. Nhưng mà giờ kinh nói vậy thì tôi cũng nói chứ biết sao trời. Cũng tự động vân tập vì nghe rằng hôm nay ngài Sāriputta.

Sẽ có một thời pháp thoại đặc biệt cho mọi đối tượng. Ồ, cái này mới khó, cái này mới khó đó.

Có nghĩa là sau khi ngài giảng bài kinh này thì trong chú giải nói rằng một ngàn tỷ thiên nhân đảnh La-hán. Riêng ba quả thấp thì nhiều không đếm xiết. Cả đời ngài Xá Lợi Phất chỉ có một lần này là độ người đông nhất. Riêng Thế Tôn thì rất nhiều lần.

Chú giải nói rằng số lượng thiên chúng đảnh La-hán trong thời pháp thoại này của ngài Xá Lợi Phất cũng tương đương với số người chứng La-hán trong lúc Thế Tôn thuyết kinh Maṅgala Sutta, kinh Hạnh Phúc, trong Kinh Tập Tiểu Bộ; hoặc lúc Phật thuyết kinh Giáo Giới Rahula, Trung Bộ; hoặc lúc Phật thuyết kinh Đại Hội, Trường Bộ. Tức là mỗi bài kinh trên đều có một ngàn tỷ thiên nhân chứng La-hán, ba tầng thánh thấp thì nhiều vô kể.

Đúng là chỗ này tôi nói không cần ghi, nhưng mà tôi quá ớn. Có nhiều vị viết trật lất, sai chính tả, rồi còn ký tên của em ở dưới nữa: “Đề Toại Khanh”. Bây giờ có rất là nhiều người, khi họ coi trong Simsapa gì đó, họ cứ tưởng là chúng tôi viết không à, nhưng thật ra cái đó là của người nghe họ chép lại, mà chép tào lao bí đao. Nên có nhiều lúc tôi thấy chỗ nào quan trọng tôi phải ghi.

Sẵn ở đây nói luôn, vị thọ thần sống sau cánh cửa của chùa Pubbārāma của bà Visakha cũng là một vị Sơ quả. Khi vị này nghe ngài Xá Lợi Phất thuyết pháp vừa

xong thì ông là người đầu tiên ông sādhu. Tiếng sādhu của ông đã vang dội, ảnh hưởng đến những vùng xung quanh, và chỉ có chư thiên với nhau mới nghe được. Cứ như vậy, trong vòng một tích tắc thì nó lan truyền lên đến mười ngàn thế giới. Lúc đó, đại phạm thiên nghe được âm thanh, họ mới suy nghĩ vì đâu mà có âm thanh đó. Họ mới xét biết: hôm nay tôn giả Xá Lợi Phất đang thuyết pháp ở cõi người.

Cái việc này, nhiều vị ở trong room cho rằng là phong thần thì tôi cũng bó tay, chứ bây giờ tôi làm sao. Và bây giờ, khi tôi giảng Chánh Tạng bằng chú giải đó, nó khổ một chỗ mà nhiều lần, rất nhiều lần tôi lược bỏ những chi tiết mà tôi thấy nó rất phong thần. Mà khổ một chỗ thì người ta trách, người ta nói: “Sao con liếc thấy trong chú giải dài quá mà sao Sư không dạy?” Khổ vậy đó.

Thôi, bây giờ tôi đánh một vòng râu ria của bài kinh. Nội dung bài kinh giảng cái gì? Tại sao tôi nói bài kinh này quan trọng? Là bởi vì trong đời ngài Xá Lợi Phất chỉ có cái lần này mà số người ngài độ đắc La-hán đông như vậy: một ngàn tỷ.

Thưa quý vị, một tỷ là chín con số 0, mà cộng với ba con số 0 nữa, quý vị thấy là mười hai con số 0. Đông lắm chứ. Coi như bây giờ dân số trên thế giới chỉ có bảy tỷ thôi, mà cái này là một ngàn tỷ, kotisatasahassa, trillion. Một ngàn tỷ đông lắm quý vị. Một koti là mười triệu, satasahassa là một trăm ngàn; mà một trăm ngàn cái mười triệu, hoặc là mười triệu cái một trăm ngàn thì cũng đông lắm. Tức là nó tới một ngàn tỷ, đông lắm.

Khi ngài ngồi an tọa xuống, ngài nhìn quanh, ngài thấy bữa đó coi như là vương hầu, khanh tướng, đại gia, quý tộc trùng điệp. Coi như là chùa trong ngõ ngoài kín mít. Trong kinh nói cả ngôi chùa hoa không, cả ngôi chùa giống như một cái bình bông vậy đó, người ta đem hoa lên người ta cúng.

Ngài quan sát, ngài thấy như vậy. Và với thiên nhãn của ngài, ngài thấy mười ngàn thế giới chung quanh, chư thiên về dày đặc. Ngài mới suy nghĩ như sau:

- “Ta nói cái gì đây? Ta nói cái gì đây mà không sót một em nào?”

Sau khi ngài quán sát xong, ngài quan sát toàn bộ Phật ngôn Tam Tạng, ngài đúc kết một nội dung để ngài thuyết giảng không sót một kẻ nào. Tức là từ phạm thiên cho đến các loài thọ thần, càn-thát-bà, kim sí điểu, dạ-xoa, long thần hộ pháp ... gì đó là

đều có hết.

Coi như ngài xét tới xét lui, và ngài chọn ra cái đề tài này. Cái tựa kinh này nghe không có liên quan gì hết trơn: tựa kinh này là Samacitta Sutta, là tâm tư tương đồng, hoặc là đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu.

Cái chữ này có nghĩa là vậy đó. Thí dụ trong room mình ai mà đồng lý tưởng, đồng chí hướng, gọi là samacitta. Có nghĩa là tâm tư tương đồng, hoặc đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, đồng hội đồng thuyền, đồng bệnh tương lân. Và tôi nhớ Tây nó có câu hay lắm: “Cùng thích một món thì ghét nhau, cùng lo một việc thì thương nhau.” Nhớ nha.

Rồi thì bài kinh này tại sao lại lấy chữ samacitta để đặt tên cho bài kinh này? Là vì sao? Là vì khi ngài Xá Lợi Phất giảng bài kinh này ra, 1000 tỷ thiên nhân chứng La-hán, thì có một nhóm phạm thiên đã đắc Tam quả từ thời Phật Ca Diếp cũng đến đây thính pháp và cùng có suy nghĩ thế này.

- Nhóm thứ nhất: “Ta sẽ nghe bài kinh này sâu hơn, rộng hơn từ Thế Tôn.”

- Nhóm thứ hai nghĩ là nội dung này cũng y hệt như những gì Thế Tôn đã thuyết giảng. Mặc dù đây là của ngài Xá Lợi Phất, nhưng người đời sau sẽ có nhiều người khi nghe lại kinh này, hoặc đọc lại kinh này, sẽ có lòng coi thường vì nghĩ rằng đây là lời của Thinh văn. Thôi thì hôm nay ta sẽ đến gặp Thế Tôn để xin Thế Tôn ấn chứng cho bài kinh này. Vì khi Thế Tôn xác nhận bài kinh này, thì bài kinh này của ngài Xá Lợi Phất đương nhiên, mặc nhiên trở thành Phật ngôn.

Cho nên cái nhóm này đã biến mất ngay chùa Đông Phương và có mặt ở chùa Kỳ Viên. Họ đánh lễ Đức Phật, họ mới thưa là:

- “Bạch Thế Tôn, hôm nay tôn giả Xá Lợi Phất thuyết pháp bên đó, xin Thế Tôn hãy có mặt bên đó để ấn khả cái pháp thoại đó.”

Đức Thế Tôn lập tức biến mất ở chùa Kỳ Viên và có mặt ở chùa Đông Phương, trước mặt đám đông, và ngài đã có một buổi nói chuyện nhỏ với ngài Xá Lợi Phất, như là quý vị thấy. Khi Thế Tôn có mặt ở chỗ đó, thì thiên hạ hiểu rằng như vậy lời Pháp này đã được Phật biết đến rồi. Như vậy thì lời Pháp này không còn là lời dạy của một vị Thinh văn nữa, mà đã được một vị Chánh Đẳng Chánh Giác biết qua, biết đến, biết

tới.

Cái nhóm này sở dĩ biết đến là samacitta vì cái nhóm này nhiều đời nhiều kiếp cùng lý tưởng, cùng tâm tư, cùng chí tu tập. Và vì có nhiều cái đồng đi, cho nên là đời đời sanh ra, họ tuy nhiều người mới thành một nhóm nhưng họ tương đồng nhau đến mức mà họ có thể thành một với nhau mỗi lần xuất hiện. Vì quá giống nhau nên mỗi lần xuất hiện, họ muốn cả nhóm thành một.

Nhiều vị có thể cùng có mặt trên một đầu kim, hạt cải. Họ giống nhau đến mức họ chỉ muốn thành một với nhau thôi. Cái đó mới đúng là: “Trên trời làm chim liền cánh, dưới đất làm cây liền cành.” Chứ kiểu như mình, mình thương mình thế kiểu Đường Minh Hoàng với Dương Quý Phi, nhưng mà ở Gò Mả Ngôi cũng đôi ngả âm dương. Nhưng mà đây thì không. Khi mà cùng lý tưởng, cùng chí hướng rồi đó, thì họ chỉ là một.

Ví dụ như có một lần, Đức Thế Tôn đến thăm ba vị La-hán ở trong một khu vườn. Ngài hỏi:

- “Các người, anh em huynh đệ người ở đây có an lạc không?”

Thì các vị thưa rằng:

- “Bạch Thế Tôn, chúng con rất là an lạc.”

Khi mà ở gần nhau, Đức Phật Ngài hỏi:

- “Bằng bí quyết gì mà các người có thể, ba người khác cha khác mẹ, mà sống an lạc với nhau suốt chừng ấy thời gian tu hành khắc khổ, khó khăn?”

Thì các vị nói rằng:

- “Bạch Thế Tôn, chúng con tuy là ba người nhưng chỉ sống bằng một tâm thôi. Chúng con an lạc vì chúng con luôn luôn sống bằng tâm của người khác.”

Cái câu này nghe rất là kỳ, kỳ lắm, nhưng có chút dụng tâm thì chúng ta sẽ hiểu cái này. “Chúng con an lạc vì chúng con luôn sống bằng tâm người khác” là sao? Là làm cái gì cũng nghĩ tới người ta hết á.

Thí dụ như mỗi lần thấy nước cạn là tự động xách nước cho nó đầy. Thấy nắp lu mà đậy chưa kín thì cố ý đậy lại, vì không muốn bụi vô, người sau ta xài ta khó chịu. Thấy một rác, một chút lá, một chút giấy bên thềm thì ghé mà lượm để cho nó đẹp

mắt, cho nó dễ nhìn. Đêm hôm di chuyển, xe dịch cũng không muốn gây tiếng động, sợ anh em giật mình. Họ hay nhảy mũi cũng ráng bùm miệng chạy ra ngoài hè làm một cái cắc cùm rồi chạy vô. Thí dụ vậy.

Từng ly từng tí, bỏ tâm mình mà chạy theo tâm người. Ở đây không phải phóng dật, không phải thất niệm, không phải hưởng ngoại, nhưng mà ở đây lúc nào cũng nghĩ đến lợi ích của người khác hết á. Samacitta ở đây là đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Tri âm tri kỷ là chỗ đó đó.

Chính vì các nhóm này, cái đặc điểm này, cho nên các Ngài kiệt tập đã lấy tên nhóm này đặt tên cho kinh là Samacitta, tức là tên của cái nhóm đồng thanh tương ứng đó đó. Nhớ nha.

Rồi bây giờ mình quay lại xem Ngài Xá Lợi Phất, Ngài giảng cái gì mà tôi nói sâu, sâu như trời như biển, bao la như hư không.

Tôi nhớ cái bài kệ dẫn của Thủ Lăng Nghiêm:

- “Thuần-nhã-đa, tánh khả tiêu vong. Thước-ca-ra, tâm vô động chuyển.”

Thuần-nhã-đa là nó từ cái chữ sunyata, nghĩa là hư không. Thước-ca-ra nó từ cái chữ vajra, nghĩa là kim cương. Có nghĩa là hư không thì nó có cái gì đâu để mình hư hoại. Hư không cũng có lúc không còn là hư không. Còn kim cương thấy vậy chứ không bằng cái tâm của người tu hành. Tức là tâm người tu hành so với hư không và so với kim cương.

Thì ở đây, cái bài kinh của Ngài Ngài Xá Lợi Phất bao trùm cả thiên thu vạn đại, nhất thiết pháp giới hữu tình đều gói gọn trong cái bài giảng của Ngài. Mà nếu các vị đọc chánh kinh mà không nghe giảng, đọc chú giải thì quý vị hiểu được tôi chết liền. Mà tôi cũng vậy, tôi đọc tôi không hiểu nổi.

Bây giờ Ngài ở đây Ngài nói, sau khi Ngài suy xét căn cơ sở tánh, khuynh hướng tâm lý của tất cả thiên chúng, trùng trùng điệp điệp đang vân tập tụ hội trước mặt, Ngài xét tới xét lui, xét xuôi xét ngược, cuối cùng Ngài chọn cái đề tài mà Ngài thấy rằng bao gồm Tam Tạng, mà quán đạt cả ba giới, ba cõi mười phương, ba đời muôn kiếp đều gom trong bài kinh này. Mà mình liếc mắt mình thấy Ngài có nói cái gì đâu ta.

- Ở đoạn một, Ngài nói rằng

+ có những người tu hành cho đã, sanh về một cảnh giới nào đó rồi cuối cùng cũng trở về cõi người. Quý vị nghe có gì đâu hay đúng không? Dở ẹc chứ có gì hay. Ghê là ghê chỗ đó. Tu hành cho đã, sanh đi cõi này cõi kia rồi cuối cùng cũng trở về cõi người. Đó là một hạng.

+ Hạng thứ hai, cũng là tu hành ngon lành, sanh về một cõi nào đó rồi từ đó đi luôn, không có trở lại nữa.

+ Rồi hạng thứ ba, cũng vậy, cũng tu hành ngon lành, rồi cuối cùng cũng đi về một cảnh giới nào đó, không có trở lui. Như hai hạng này giống nhau.

Thì ở trong chú giải mới giải thích thế này nè. Các vị A-la-hán, lục thông tam minh và bốn trí vô ngại, các Ngài đã giải thích những cái này rất là hợp lý. Trong đó có giải thích thế này. Cái chỗ này là phúc thay cho kẻ nào được đọc bài kinh này.

Ở đây, ba cái đoạn này Ngài giảng nội triền và ngoại triền. Triền ở đây là sự trói buộc. Trói buộc của cái gì? Trói buộc của phiền não, của vô minh.

Mà tại sao có nội triền và ngoại triền thì ở đây mới nói là:

- Nội triền, ajjhattasamyojana, ám chỉ cho dục ái.

- Còn bahiddhasamyojana là ngoại triền, tức là cái dây trói bên ngoài, thì ám chỉ cho tham ái trong cảnh thiền sắc và vô sắc giới.

Vì sao vậy? Vì sao cái dục ái được gọi là nội triền? Vì nhiều lý do sau đây. Tôi nói thiệt là chậm và tôi kính mong, thiết tha những ai có ý muốn chép lại, làm ơn chép cho kỹ. Chứ chép cà trật cà dựa rồi ký tên tôi ở dưới là tôi chết, nha.

Tại sao dục ái, tức là niềm đam mê trong năm dục, được gọi là nội triền?

Trước khi trả lời câu này tôi phải làm một vòng hơi rộng rộng chút. Tức là

- Do không biết được mọi hiện hữu là khổ, cho nên người ta mới trốn khổ tìm vui bằng cách là khát nước uống nước muối.

- Do không biết khổ để nên có tập đế. Do không biết mọi thứ ở đời là khổ nên người ta chữa khát bằng cách uống nước muối. Có nghĩa là muốn trốn khổ, họ lại đi kiếm một cái khổ khác, họ đam mê trong cái khổ khác. Thất tình buồn quá đi đánh bài, đi uống rượu, các vị hiểu chưa? Đói quá mới đi sát sanh, mới có tiền về nuôi cái bao tử. Đói khát, nóng lạnh, bệnh hoạn, từ cái chuyện đáp ứng những cái thích này, đối phó

những cái ghét kia, cho nên người ta lại tiếp tục đầu tư thiện ác.

Cho nên chuyện đầu tiên chúng sanh trong đời sanh tử là bởi vì không hiểu mọi thứ là khổ, cho nên mới thích cái này thích cái kia, mà không biết những cái thích đó lại cũng là thích trong khổ. Từ đó cái thích nó trở thành nguồn khổ.

Cái thích trở thành nguồn khổ đó có ba.

- Một là thích trong cảnh dục, thích trong năm dục thì sanh tử trong cõi dục. Còn vui hay khổ thì tùy vào việc bên cạnh cái thích ấy, ta có làm được công đức gì hay không, có làm phước hay không.

Thí dụ như bây giờ tui cũng đam mê trong năm dục mà tui có làm phước, nên tui sanh ra tui đẹp gái, nhà giàu, lấy chồng được chồng thương, đẻ con ngoan, bằng cấp học vị.

Còn bây giờ tui cũng thích trong năm dục nhưng tui không làm phước, nên tui sanh ra tui làm heo, làm dê, chó, gà, dòi, bọ, ruồi, kiến, mối.

Cho nên thích trong dục thì chết rồi quẩn quanh trong cõi dục. Còn cái chuyện mà anh sướng hay khổ còn coi anh, ngoài cái thích đó ra, anh có làm phước hay không.

Cái thích trong dục là passport, visa thôi, cái giấy nhập cảnh xuất cảnh thôi, còn cái chuyện mà mình có mặt trong xứ sở đó, mình sống kiểu gì thì còn tùy thuộc vào túi tiền, tùy vào tài khoản trong nhà băng. Nhưng mà còn cái chuyện anh thích cái gì đó, cái thích đó chính là visa, giấy nhập cảnh, nó là cái passport để anh đi chỗ này chỗ kia. Còn cái chuyện anh lọt vào cái xứ đó rồi anh sống kiểu gì là cái khác nữa.

Cho nên dục nó có ba.

- Cái nội triền là ám chỉ cho vô minh. Mà vô minh trong cái gì? Vô minh và tham ái trong dục, sắc và vô sắc. Phiền não trong cõi dục thì gọi là nội triền vì hai lý do sau đây:

+ Một, chúng sanh cõi dục luôn bị lệ thuộc vào tình trạng trú xứ. Mỗi đại kiếp có bốn giai đoạn: thành, trụ, hoại, không. Chúng sanh cõi dục chỉ có mặt được ở cõi dục trong giai đoạn kiếp trụ mà thôi. Họ chỉ có mặt trong một phần tư đại kiếp. Cõi dục giống như là chiếc lồng nhốt chúng sanh trong đó, nên cõi dục hoặc phiền não ở cõi dục được gọi là nội phần.

+ Hai, phiền não cõi dục trực tiếp liên hệ đến các căn nội thân, hoặc các nội căn của chúng sanh ở đây. Thí dụ như ở cõi Phạm thiên, tôi muốn về cõi Phạm thiên tôi phải chán cõi dục, tôi phải tập trung vô các đề mục đất, nước, lửa, gió, hư không, ánh sáng, xanh, vàng, đỏ, trắng ... Tôi niệm đề mục đó đó, tôi đắc thiền, coi như cái cảnh thiền đó nó không chạm đến thân thể của tôi hết mà tôi vẫn thấy phê. Còn cái cõi dục thì nó khác. Bao nhiêu tâm tư tình cảm buồn vui của nó, nó đều dính liền với các nội căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân; ngay cả ý của tôi nó cũng quần quanh trong năm cái kia. Bây giờ tôi phiền não, tôi thích cái gì, tôi ghét cái gì đều do tôi thấy, tôi nghe, tôi ngửi, tôi nếm, tôi chạm. Các vị nghĩ coi có phải từ sáng tới chiều có phải như vậy không? Chúng ta thích, chúng ta ghét cái gì đi nữa, buồn vui khổ lạc, nó cứ quần quanh năm cái căn này thôi. Cho nên cái gì nó thuộc về cõi dục thì nó thuộc về nội phần hay nội triền là chỗ đó.

- Còn riêng các vị thích thiền sắc, thiền vô sắc, họ được gọi là ngoại phần, vì đời sống của họ không phụ thuộc vào năm nội căn. Và khi trái đất bị hoại do nước, do lửa, do gió, thì ở cõi dục bị hoại te tua, tan tác, tới tả, tan tành. Nhưng riêng về các cõi Phạm thiên thì khi mà vũ trụ bị hoại bằng lửa, lửa chỉ cháy đến cõi sơ thiên. Khi mà vũ trụ bị hoại bằng nước, thì nước chỉ dâng đến cõi nhị thiên. Khi mà vũ trụ bị hoại bằng gió, thì gió thổi đến tầng tam thiên sắc giới. Các cõi cao hơn thì không bị ảnh hưởng gì, mà vô thường theo cách khác, tức theo dân số ở mỗi cõi.

Tức là ở cõi dục nó bị ảnh hưởng rất là nặng. Trong kinh ghi rằng cứ mỗi một lần thế giới bị tiêu hoại là một group, một ngàn tỷ vũ trụ bị tiêu hủy. Mà cứ bảy lần bị hoại bằng lửa thì sẽ có một lần bị hoại bằng nước. Bảy lần hoại bằng nước thì có một lần hoại bằng gió. Mà hoại bằng lửa, lửa tự nhiên là một ngàn tỷ vũ trụ tự nhiên nó sẽ bốc cháy khi mà mặt trời thứ bảy xuất hiện. Nó bốc cháy và ngọn lửa nó cháy dâng lên đến cõi Phạm thiên sơ thiên sắc giới. Rồi đến khi nào nó hoại bằng nước thì nước sẽ dâng lên đến cõi nhị thiên, nó cuốn phăng cõi nhị thiên. Khi nào mà vũ trụ bị tiêu hoại bằng gió đó, thì gió sẽ cuốn xoáy, lật tung đến cõi tam thiên sắc giới.

Còn từ cõi tứ thiên sắc giới trở lên thì không phải nó trường tồn vĩnh cửu đâu nha. Nó

cũng vô thường, mà vô thường cách khác. Vô thường bằng cách nào? Thí dụ cái cối đó nó chỉ còn khi nào có người tái sanh vào, còn khi nào không có người tái sanh vào thì cối đó không còn nữa, thì đó là cái kiểu vô thường của nó.

Hoặc như cối Ngũ Tịnh Cư đó, thì các vị biết đôi khi một a-tăng-kỳ đại kiếp không có Phật ra đời, thì cái số thánh nhân A-na-hàm tái sanh vào trong đó là chỉ có mòn đi chứ không có thêm vào, bởi vì nó lâu quá mà không có vị nào sanh vô hết. Bởi vì A-na-hàm chỉ xuất hiện khi có Chánh Đẳng Chánh Giác ra đời thôi. Mà bây giờ lâu quá rồi không có Phật Chánh Đẳng Chánh Giác ra đời thì sao ta? Thì cái số trong đó cứ đặc quả A-la-hán là đi, đặc quả A-la-hán là đi. Cứ đi riết, đi riết sạch sẽ không còn, không còn vị nào hết thì năm cối Ngũ Tịnh Cư lập tức empty, và empty trở thành nothing, nó thành zero luôn.

Cho nên mình thấy các cối sắc và vô sắc đại khái đã nằm ngoài cơn lốc xoáy của thời kiếp hoại, và đồng thời cái phiền não của cối Phạm thiên sắc và vô sắc đó là những thứ phiền não không có dính líu, mắc mớ đến các nội căn của cơ thể như là ở cối dục. Đây là lý do vì đâu mà ngài Xá Lợi Phất ngài mới dạy rằng có những chúng sanh bị trói buộc bởi những nội triền và ngoại triền. Mà tôi nói thời pháp này là bao gồm tam thiên đại thiên vũ trụ, ba đời mười phương không sót một móng nào, vì rõ ràng ngài đang nhắc đến vô lượng vũ trụ. Ai đến nghe cũng giật mình: “Ấy chết cha, có mình trông hả trời?” Ai đi nữa, dầu cái ông trên cối Ngũ Tịnh Cư ổng xuống đây ngồi nghe như vậy: “Rồi, rồi, rồi, ngài đang nói tới mình.” Rồi cái ông ở cối Tứ Thiên Vương, trong hang cùng ngõ hẻm ngồi nghe: “Rồi, rồi, rồi, ngài đang nói tới mình, ngài đang nói tới mình.” Tức là ngài không bỏ sót một đại ca nào hết, cả vô lâm quần hùng đều được kể hết trong đây.

Rồi bây giờ tới đoạn quan trọng.

- Trong chú giải mới nói thêm: vô lượng vũ trụ giống như một chuồng bò (vacchakasala).

+ Có con dây buộc bên trong mà nằm ngoài chuồng,

+ Có con dây cột ngoài chuồng mà lại nằm trong chuồng.

+ Có con thì dây ở đâu nằm ở đó.

- Cái vô minh giống như cái cọc cột bò vậy đó. Còn sợi dây cột bò để ám chỉ cho mười cái phiền não: thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái, sân, vô minh, ngã mạn, phóng dật. Còn mấy con bò thì giống như chúng sanh trong ba cõi mười phương.

- Dây cột bên trong mà nằm bên ngoài thì giống như là phàm phu và hai tầng thánh thấp ở cõi sắc giới và vô sắc giới.

- Dây cột ngoài chuồng mà nằm trong chuồng thì ám chỉ cho vị A-na-hàm ở cõi dục giới.

- Dây cột bên trong mà con bò cũng nằm trong chuồng thì ám chỉ cho phàm phu và hai tầng thánh thấp ở cõi dục.

- Dây cột bên ngoài mà cũng nằm bên ngoài thì giống như các vị A-na-hàm, vị Bất Lai, ở cõi Phạm thiên sắc, vô sắc.

- Không bị cột gì hết nhưng lại quần quanh trong chuồng thì giống như vị La-hán ở cõi dục.

- Không bị cột gì hết nhưng lại tung tăng bên ngoài chuồng thì giống vị La-hán mà ở các cõi Phạm thiên sắc, vô sắc.

Nội triền là phiền não ở cõi dục, ngoại triền là phiền não ở cõi Phạm thiên.

- Bị cột bên trong nhưng lại nằm ngoài chuồng là sao? Có nghĩa là phàm phu và hai tầng thánh thấp vẫn còn Dục ái và Sân vốn là phiền não đặc trưng ở cõi dục, cho nên khi lên đó thì hai thứ phiền não này tạm thời vắng mặt. Cho nên trường hợp một, mấy vị này trong lòng vẫn bị cột nhưng trước mắt tung tăng ở bên ngoài.

- Trường hợp hai, dây cột bên ngoài nhưng dây cột bên trong chuồng, ám chỉ cho vị A-na-hàm ở cõi dục. Vị A-na-hàm không còn dục ái và sân, nhưng vì đang ở cõi dục nên đành chịu. Dây cột ngoài nghĩa là A-na-hàm chỉ còn thích trong thiên sắc và vô sắc, nhưng trước mắt vẫn còn ở cõi dục chờ chết.

- Tiếp theo, dây ở trong chuồng và cũng nằm trong chuồng, ám chỉ phàm phu và hai

tầng Thánh thấp ở cõi dục. Tức là họ vẫn còn dục ái và sân, và trước mắt họ cũng đang ở cõi dục luôn.

- Rồi trường hợp tiếp theo, dây nằm ngoài chuông và bò cũng ở ngoài chuông thì ám chỉ cho A-na-hàm ở các cõi Phạm thiên sắc và vô sắc. Có nghĩa là vị đó chỉ còn thích, tham ái trong cõi Phạm thiên và thiết ra cũng đang ở trong cõi Phạm thiên, cho nên dây ngoài chuông mà thân cũng ở ngoài chuông luôn.

- Cái tiếp theo là không có dây cột trong chuông nhưng lại ở trong chuông, là ám chỉ cho La-hán ở cõi dục.

- Không có dây cột ngoài chuông và lại tha hồ tung tăng ngoài chuông, ám chỉ La-hán ở các cõi Phạm thiên.

Bài kinh này nó sâu ở chỗ Ngài nói không nhiều, mà Ngài chỉ kể thôi, Ngài chỉ kể ra, nhưng những người hữu duyên họ nghe họ lạnh xương sống rồi.

Cám ơn các vị nhiều, hẹn gặp lại ngày mai.